BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13061 /BTC-TCHQ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2017*
V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC	

VĂN PHÒNG UBND T... - TẾ...
ĐẾN Số: 3290
Ngày: 2/10/17
Chuyển: Hải Tỷ m...

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, Bộ Tài chính đã dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Dự thảo Thông tư đã được gửi lấy ý kiến lần thứ nhất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố (theo công văn số 2689/BTC-TCHQ ngày 01/3/2017 của Bộ Tài chính).

Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Tài chính tiếp tục được Chính phủ giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, trong đó có 06 nội dung báo cáo Chính phủ giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và dự kiến quy định chi tiết tại Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC liên quan đến: Kiểm tra, xác định trị giá hải quan; Các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước khi xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; Xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố; Thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng quá cảnh, trung chuyển.

Để đảm bảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC ban hành theo đúng trình tự xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu và có ý kiến tham gia đối với 06 nội dung nêu trên tại dự thảo Thông tư (theo Bảng tổng hợp gửi kèm).

Ý kiến tham gia đề nghị gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trước ngày 15/10/2017, bản mềm gửi qua email thuyltt3@customs.gov.vn. Mọi thông tin liên hệ đồng chí Vũ Triều Dương, điện thoại 024.39440833 (máy lẻ 8855).

Quá thời hạn nêu trên, nếu Bộ Tài chính chưa nhận được ý kiến tham gia của Quý Bộ, cơ quan thì được coi là nhất trí với nội dung dự thảo Thông tư./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCHQ (103b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

TỔNG HỢP MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN LẦN 2 TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ 38/2015/TT-BTC

1. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"1. Đối tượng kiểm tra: Hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chi tiết hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ hồ sơ hải quan của hàng hóa thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Đối tượng miễn thuế quy định tại Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

c) Hàng hóa xuất khẩu có thuế suất thuế xuất khẩu 0%.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra tính đầy đủ các chỉ tiêu liên quan đến trị giá hải quan trên tờ khai hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo Phụ lục II Thông tư này, tờ khai trị giá (nếu có) do người khai hải quan khai báo;

b) Kiểm tra sự phù hợp về nội dung giữa các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan; so sánh, đối chiếu các nội dung khai báo trên tờ khai trị giá với các chứng từ tương ứng có liên quan trong hồ sơ hải quan;

c) Kiểm tra tính tuân thủ nguyên tắc và các phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính; các điều kiện áp dụng, trình tự các phương pháp được sử dụng để xác định trị giá khai báo;

d) Kiểm tra trị giá khai báo: Cơ quan hải quan so sánh, đối chiếu trị giá khai báo với cơ sở dữ liệu trị giá theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính tại thời điểm kiểm tra.

3. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải

quan thực hiện ban hành Thông báo xác định trị giá (mẫu số... kèm theo Thông tư này), ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và thông quan hàng hóa.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a.1) Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ các chỉ tiêu liên quan đến trị giá hải quan ảnh hưởng đến việc xác định trị giá hải quan trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu; tờ khai hàng hóa nhập khẩu hoặc tờ khai trị giá (nếu có);

a.2) Có sự mâu thuẫn về nội dung có liên quan đến trị giá hải quan, giữa các chứng từ trong hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan;

a.3) Không thoả mãn một trong các điều kiện khi áp dụng các phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

a.4) Áp dụng không đúng trình tự các phương pháp, nội dung các phương pháp xác định trị giá hải quan theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

a.5) Chứng từ trong hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan không hợp pháp;

b) Trường hợp có nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định theo Thông báo trị giá hải quan ban hành kèm theo Thông tư này (mẫu số...) và giải phóng hàng hóa theo quy định; người khai hải quan thực hiện tham vấn trị giá theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn về trị giá khai báo nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

b.1) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

b.1.1) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về trị giá;

b.1.2) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá hải quan thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự do cơ quan hải quan xác định hoặc thấp hơn trị giá khai báo thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự (không so sánh với trị giá thuộc diện nghi vấn) đã được cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo trong cơ sở dữ liệu trị giá.

Hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trong cơ sở dữ liệu trị giá dùng để so sánh là những hàng hóa xuất khẩu trong khoảng thời gian 90 ngày trước hoặc 90 ngày sau ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của hàng hóa đang kiểm tra trị giá;

b.1.3) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá do cơ quan hải quan thu thập từ các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b.1.4) Trị giá khai báo thấp hơn chi phí vận chuyển của hàng hóa đang xác định trị giá tính đến cửa khẩu xuất hoặc chi phí khai thác của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự.

b.2) Đối với hàng hóa nhập khẩu:

b.2.1) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá của hàng hoá giống hệt, tương tự thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về trị giá;

b.2.2) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá hải quan thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự do cơ quan hải quan xác định hoặc thấp hơn trị giá khai báo thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự (không so sánh với trị giá thuộc diện nghi vấn) đã được cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo trong cơ sở dữ liệu trị giá.

Hàng hóa giống hệt, tương tự dùng để so sánh là những hàng hóa được xuất khẩu đến Việt Nam trong khoảng thời gian 60 ngày trước hoặc 60 ngày sau ngày xuất khẩu của hàng hóa đang kiểm tra trị giá; Trường hợp không tìm được mặt hàng giống hệt, tương tự trong thời hạn nêu trên thì được mở rộng khoảng thời gian nhưng không quá 90 ngày trước hoặc 90 ngày sau ngày xuất khẩu của mặt hàng đang kiểm tra trị giá.

b.2.3) Trị giá khai báo thấp hơn hoặc bằng trị giá khai báo của linh kiện đồng bộ hàng hóa cùng loại nhập khẩu; hoặc thấp hơn hoặc bằng trị giá khai báo của nguyên liệu chính cấu thành nên sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu.

Thời gian tra cứu dữ liệu trị giá thực hiện theo quy định tại điểm b.2.2 khoản này;

b.2.4) Trị giá khai báo thấp hơn trị giá do cơ quan hải quan thu thập từ các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b.2.5) Hàng hóa nhập khẩu có yếu tố giảm giá trong đó trị giá khai báo sau khi trừ đi khoản giảm giá thấp hơn trị giá của hàng hoá giống hệt, tương tự trong cơ sở dữ liệu trị giá;

b.2.6) Trường hợp không tìm được hàng hoá giống hệt, hàng hoá tương tự theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để so sánh, kiểm tra trị giá khai báo thì áp dụng như sau:

b.2.6.1) Hàng hóa nhập khẩu có nhiều tính năng, công dụng đi kèm có thể so sánh với hàng hóa cùng loại có một tính năng, công dụng cơ bản đã có trong cơ sở dữ liệu giá;

b.2.6.2) Hàng hóa nhập khẩu có phẩm cấp chất lượng cao hơn có thể so sánh với hàng hóa cùng loại có phẩm cấp chất lượng thấp hơn đã có trong cơ sở dữ liệu giá;

b.2.6.3) Hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước, khối nước phát triển có thể so sánh với hàng hóa cùng loại từ các nước đang phát triển có trong cơ sở dữ liệu trị giá.

Thời gian tra cứu dữ liệu trị giá thực hiện theo quy định tại điểm b.2.2 khoản này.

c) Trường hợp người khai hải quan đề nghị sử dụng kết quả tham vấn của lần tham vấn trước liền kề cho các lần xuất khẩu, nhập khẩu tiếp theo thì đề nghị tại Thông báo nghi vấn trị giá, cơ quan hải quan đối chiếu kết quả tham vấn với thông tin, dữ liệu kiểm tra, xác định trị giá hải quan của hàng hóa đang xác định trị giá và xử lý như sau:

c.1) Trường hợp kết quả tham vấn phù hợp với thông tin, dữ liệu kiểm tra, xác định trị giá hải quan của hàng hóa đang xác định trị giá, chấp nhận sử dụng kết quả tham vấn của lần tham vấn trước liền kề và thông quan hàng hóa theo quy định.

c.2) Trường hợp kết quả tham vấn không phù hợp với thông tin, dữ liệu kiểm tra, xác định trị giá hải quan của hàng hóa đang xác định trị giá, không chấp nhận sử dụng kết quả tham vấn của lần tham vấn trước liền kề, giải phóng hàng hóa và tổ chức tham vấn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

d) Trường hợp không thuộc điểm a, b khoản này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo và thông quan hàng hóa theo quy định.

4. Tham vấn

a) Thẩm quyền tham vấn:

a.1) Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức thực hiện việc tham vấn và chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả công tác tham vấn tại đơn vị; Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện rủi ro theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức tham vấn ngay trong quá trình làm thủ tục hải quan.

a.2) Căn cứ tình hình thực tế, đặc điểm địa bàn, Cục trưởng Cục Hải quan có thể phân cấp cho Chi cục trưởng Chi cục Hải quan thực hiện việc tham vấn.

b) Trách nhiệm thực hiện:

b.1) Cơ quan hải quan:

b.1.1) Tổ chức tham vấn, kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại điểm b.2 khoản này để làm rõ nghi vấn trị giá khai báo;

b.1.2) Lập biên bản tham vấn, trong đó ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung hỏi đáp trong quá trình tham vấn; ghi nhận các chứng từ, tài liệu

người khai hải quan đã nộp bổ sung; kết thúc tham vấn phải ghi rõ kết luận vào biên bản tham vấn "người khai hải quan đồng ý khai bổ sung", hoặc"thông quan theo trị giá khai báo", hoặc "bác bỏ trị giá khai báo" (nêu rõ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo theo quy định tại điểm đ.2 khoản này và mức giá, phương pháp xác định trị giá do cơ quan hải quan xác định).

b.2) Người khai hải quan: Cung cấp xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải (nếu có), chứng từ bảo hiểm (nếu có), chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật, chứng từ thanh toán và các chứng từ, tài liệu theo phương pháp xác định trị giá khai báo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC (01 bản chụp) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ quan giải phóng hàng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia tham vấn đúng thời gian tham vấn; có trách nhiệm giải trình những nội dung liên quan đến trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;

b.3) Các bên tham gia tham vấn phải cùng ký vào biên bản tham vấn.

c) Hình thức tham vấn: Tham vấn trực tiếp;

d) Thời gian tiến hành tham vấn và xử lý kết quả tham vấn: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai;

đ) Xử lý kết quả tham vấn

Căn cứ biên bản tham vấn, các chứng từ, tài liệu do người khai hải quan bổ sung, cơ quan hải quan xử lý như sau:

đ.1) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp quá thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn nhưng người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ban hành Thông báo xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định.

đ.2) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn; Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện ban hành Thông báo xác định trị giá theo mẫu số...ban hành kèm theo Thông tư này, ấn định thuế theo quy định, xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) đối với một trong các trường hợp sau đây:

đ.2.1) Một trong các trường hợp thuộc điểm a khoản 3 Điều này;

đ.2.2) Người khai hải quan kê khai không chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung liên quan đến việc xác định trị giá hải quan:

đ.2.2.1) Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai sai giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán; các yếu tố liên quan đến việc xác định trị giá hải quan;

đ.2.2.2) Thông tin thu thập được từ người xuất khẩu hoặc đại diện của người xuất khẩu xác định mức giá khai báo không đúng với thực tế mua bán;

đ.2.2.3) Thông tin mà người khai hải quan cung cấp sau khi đã kiểm tra là không chính xác, chứng từ tài liệu cung cấp là giả mạo hoặc chứng từ không hợp pháp.

đ.2.3) Nội dung giải trình tại Biên bản tham vấn của người khai hải quan mâu thuẫn với hồ sơ hải quan; hồ sơ, chứng từ, tài liệu do người khai hải quan khai báo hoặc xuất trình có mâu thuẫn;

đ.2.4) Người khai hải quan từ chối hoặc trì hoãn, kéo dài quá thời hạn quy định việc cung cấp các tài liệu liên quan cho cơ quan hải quan để xác định chính xác số thuế phải nộp: Người khai hải quan không cung cấp các thông tin, tài liệu chứng từ theo quy định hoặc không tham gia tham vấn; người đến tham vấn không phải là đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan theo quy định của pháp luật và không có giấy ủy quyền theo quy định tại điểm b.2 khoản này.

đ.3) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo."

2. Về các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước khi xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

Bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

"5. Các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước

Các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số /2017/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước đang được cơ quan quản lý nhà nước điều tra, thanh tra, kiểm tra.

b) Hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước đã được cơ quan kiểm định hải quan, tổ chức giám định tiếp nhận và chờ kết quả xử lý.

c) Hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước thuộc vụ việc đang được tòa án các cấp, cơ quan điều tra thụ lý"

3. Xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố:

a) Bổ sung điểm l khoản 1 Điều 18 đối với trường hợp hệ thống khai điện tử của người khai hải quan gặp sự cố:

"l) Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố, không thực hiện được việc khai hải quan điện tử thì người khai hải

quan phải thông báo cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khắc phục hoặc để thực hiện khai hải quan trên tờ khai giấy sau khi được Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai kiểm tra xác nhận về tình trạng sự cố."

b) Bổ sung khoản 4 Điều 30 đối với trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố như sau:

"4. Đối với trường hợp khai hải quan giấy do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, sau khi Hệ thống hoạt động trở lại, công chức hải quan phải cập nhật các thông tin tờ khai, kết quả phân luồng, hình thức, mức độ kiểm tra, quyết định thông quan/giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu vào Hệ thống."

4. Về thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan (phân luồng)

Bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

"4. Thời điểm thông báo kết quả phân luồng

a) Kết quả phân luồng được thông báo ngay sau khi cơ quan hải quan đăng ký tiếp nhận tờ khai hải quan trong các trường hợp sau đây:

a.1) Hàng hóa xuất khẩu;

a.2) Hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên;

a.3) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất;

a.4) Hàng hóa nhập khẩu đưa từ khu phi thuế quan vào nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ;

b) Các trường hợp khác, cơ quan hải quan thông báo kết quả phân luồng cho người khai hải quan sau khi hàng hóa đến cửa khẩu hoặc được tập kết tại khu vực kho, bãi, cảng theo thông báo của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi hoặc xác nhận hàng hóa đã qua khu vực giám sát tại cửa khẩu nhập của hải quan cửa khẩu nhập.

Việc thông báo hàng hóa đến cửa khẩu hoặc được tập kết tại khu vực kho, bãi, cảng hoặc xác nhận hàng hóa đã qua khu vực giám sát tại cửa khẩu nhập được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan tự động."

5. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng quá cảnh; hàng trung chuyên

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

"Điều 50. Quy định về vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan

1. Trường hợp áp dụng:

a) Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam;

b) Hàng hóa chuyển cửa khẩu bao gồm:

b.1) Hàng hoá xuất khẩu đã đăng ký tờ khai hải quan tại Chi cục hải quan

ngoài cửa khẩu được vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu đến cửa khẩu xuất, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS), cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa(cảng cạn), địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trung, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính;

b.2) Hàng hoá nhập khẩu đã đăng ký tờ khai hải quan tại Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu, Chi cục Hải quan quản lý khu phi thuế quan, Chi cục hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế được vận chuyển từ cửa khẩu nhập, CFS, cảng cạn, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trungtại cửa khẩu nhập, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chínhđếnđịa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, khu phi thuế quan, cửa hàng miễn thuế;

b.3) Hàng hóa xuất khẩu *đã hoàn thành thủ tục hải quan* vận chuyển từ CFS,cảng cạn, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài,địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trungtại cửa khẩu xuất, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính, địa điểm lưu giữ hàng hóa đến cửa khẩu xuất;

Hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan vận chuyển từ CFS, kho ngoại quanđến cảng cạn, từ kho ngoại quan đến địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính, từ cửa khẩu xuất đến cửa khẩu xếp hàng lên phương tiện vận tải để xuất cảnh.

b.4) Hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng đích ghi trên vận tải đơn, kho hàng không kéo dài, CFS, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trungtại cửa khẩu nhập, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính hoặc đến cửa khẩu khác(bao gồm cả trường hợp hàng hóa nhập khẩu của nhiều chủ hàng trên cùng phương tiện vận chuyển, vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến nhiều cảng đích ghi trên vận tải đơn);

b.5) Hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến kho ngoại quan;

b.6) Hàng hóa *xuất khẩu*vận chuyển từ khu phi thuế quan*(trừ kho ngoại quan)*đến cửa khẩu xuất, kho ngoại quan, CFS, cảng cạn, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trung,địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính hoặc đến các khu phi thuế quan khác;

b.7) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác.

b.8) Hàng hóa trung chuyển:

b.8.1) Hàng hóa trung chuyển *vận chuyển*giữa các cảng biển;

b.8.2) Hàng hóa trung chuyển *vận chuyển*giữa các khu vực trung chuyển của cùng một cảng biển;

b.8.3) Hàng hóa trung chuyển từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này.

Cảng biển được thực hiện trung chuyển thực hiện theo quy định tại Điểm 4 Khoản 19 Điều 1 Nghị định số...../2017/NĐ-CP.

2. Các trường hợp phải niêm phong hải quan:

a)Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, hàng hóa trung chuyển *quy định tại điểm b.8.1, b.8.2 Khoản 1 Điều này*, trừ các trường hợp:

a.1) Hàng hoá quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường thuỷ nội địa, đường hàng không, đường sắt còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.

a.2) Hàng hoá trung chuyển vận chuyển giữa các bến cảng trong cùng một cảng biển không bằng đường bộ và trong trường hợp phương tiện chứa hàng còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.

a.3) Hàng hóa quá cảnh, hàng hóa trung chuyển không dỡ xuống và không thay đổi phương tiện vận chuyển đường biển, đường *thủy nội địa*, đường hàng không,đường sắt từ cửa khẩu nhập đầu tiên đến cửa khẩu xuất *cuối cùng*;

b) Hàng hoá xuất khẩu phải kiểm tra thực tế được vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hóa ở nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trung hoặc kho hàng không kéo dài đến cửa khẩu xuất, kho ngoại quan, CFS, cảng cạn, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính;*Hàng hóa xuất khẩuđã hoàn thành thủ tục hải quan vận chuyển từ CFS, kho ngoại quanđến cảng cạn, từ kho ngoại quan đến địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính, trừ trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan vận chuyển bằng đường biển, đường thủy nội địa từ cửa khẩu xuất (địa điểm xếp hàng khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu) đến cửa khẩu xếp hàng lên phương tiện vận tải để xuất cảnhnếu đáp ứng điều kiện được chứa trong container còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;*

Ví dụ: Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, đã được xác nhận ra khỏi khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất (địa điểm xếp hàng khai báo trên tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu) là cảng Hải Phòng, sau đó lại tiếp tục được người vận chuyển thực hiện vận chuyển từ Hải Phòng đến cảng Cái Mép là cảng xếp hàng lên phương tiện vận tải để xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, nếu container chứa hàng còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển tại cảng Hải Phòng thì không thực hiện việc niêm phong hải quan.

c) Hàng hoá nhập khẩu được vận chuyển từ cửa khẩu nhập, CFS, cảng cạn, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính đến địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hóa ở nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trungđể kiểm tra thực tế hàng hóa;

d) Hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập về cảng đích ghi trên vận tải đơn, hàng hóa xuất khẩu vận chuyển từ cảng này đến cảng khác

được dỡ xuống *phương tiện vận tải đường thủy* xà lan hoặc để trên tàu xếp nhiều tầng để vận chuyển đến cảng đích ghi trên vận tải đơn, cửa khẩu xuất nếu đáp ứng điều kiện được chứa trong container còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;

d) Hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập, nhưng được người vận tải tiếp tục vận chuyển đến cảng đích ghi trên vận tải đơn hoặckho hàng không kéo dài, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu được vận chuyển từ cửa khẩu nhập tại cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không, ga đường sắt đến cảng đích ghi trên vận tải đơn nhưng được chuyển sang phương tiện vận tải khác cùng loại hình vận chuyển hoặc không thay đổi phương tiện vận chuyển để vận chuyển đến cảng đích nếu đáp ứng điều kiện được chứa trong container, *toa xe* và còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;

đ) Hàng hóa từ nước ngoài được vận chuyển từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan, khu phi thuế quan trong khu kinh tế cửa khẩu, CFS, cửa hàng miễn thuế và ngược lại;

e) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất theo điểm d khoản 1 Điều 83 Thông tư này;

g) Hàng hóa không phải niêm phong nhưngđóng ghép chung container với hàng hóa phải niêm phong theo quy định tại khoản này;

h) Hàng hóa buộc tái xuất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu đến cửa khẩu xuất.

3. Các trường hợp không phải niêm phong hải quan:

a) Hàng hóa không thuộc các trường hợp phải niêm phong hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;

b)Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khai vận chuyển kết hợp được miễn kiểm tra thực tế;

c) Hàng hóa là hàng rời, hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh không thể niêm phong hải quan;

d) Hàng hóa được vận chuyển từ địa điểm này sang địa điểm khác trong địa bàn của 01 Chi cục Hải quan nếu còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển.

4. Người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan (nếu có), niêm phong của hãng vận chuyển (nếu có) trong quá trình vận chuyển hàng hóa *đang chịu sự giám sát hải quan*; vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan.

Trường hợp bất khả kháng không thể đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, lộ trình, thời gian hoặc thay đổi phương tiện vận chuyển hàng hóa do sự cố bất khả kháng thì người khai hải quan áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra và thông báo ngay cho cơ quan hải quan theo thông tin

liên hệ trên tờ khai vận chuyển hoặc Bản kê hàng hóa vận chuyển hoặc trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để xác nhận.

5. Thời gian vận chuyển đối với hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b3, điểm b4, điểm c khoản 1 Điều 50 Thông tư này:

a) Đối với các tuyến đường vận chuyển không quá 500km thì thời gian vận chuyển tối đa là 02 ngày, đối với các tuyến đường vận chuyển trên 500km thì thời gian vận chuyển tối đa không quá 05 ngày, đối với hàng hóa vận chuyển bằng xà lan thì thời gian vận chuyển tối đa không quá 07 ngày tính từ thời điểm container hoặc chuyến hàng đầu tiên được xác nhận ra khỏi khu vực giám sát hải quan đến thời điểm container hoặc chuyến hàng cuối cùng được vận chuyển đến đích;

b)Trường hợp thời gian vận chuyển vượt quá thời gian đăng ký trên tờ khai vận chuyển/Bản kê hàng hóa vận chuyển, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai vận chuyển độc lập/Bản kê hàng hóa vận chuyển tại cơ quan Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi để được xem xét, phê duyệt."

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

"Điều 51. Thủ tục hải quan vận chuyển độc lập

1. Thủ tục hải quan vận chuyển độc lập được áp dụng đối với hàng hóa quy định tại điểm a điểm b.3, điểm b.4 và điểm b.8.1 khoản 1 Điều 50 Thông tư này và được thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi, trừ các trường hợp sau:

a) Hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng đích ghi trên vận tải đơn nhưng còn nguyên trạng trên phương tiện vận chuyển (trừ đường bộ, *đường sắt*) không dỡ xuống kho, bãi, cảng *tại cửa khẩu nhập*, Chi cục Hải quan nơi vận chuyển đi, đến căn cứ thông tin trên Bản lược khai hàng hóa điện tử (hệ thống e-Manifest) để thực hiện giám sát hàng hóa vận chuyển;

b) Hàng hóa vận chuyển quy định tại điểm b.3, b.4 khoản 1 Điều 50 Thông tư này vận chuyển giữa các địa điểm thuộc địa bàn quản lý của một Cục Hải quan, người khai hải quan thực hiện khai báo các chỉ tiêu thông tin tại Bản kê hàng hóavận chuyển theo mẫu số 1 (xuất khẩu), mẫu số 2 (nhập khẩu) tại Phụ lục...ban hành kèm Thông tư này qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

c) Hàng hóa quá cảnh qua đường hàng không được đưa vào Việt Nam và đưa ra nước ngoài tại cùng một cảng hàng không quốc tế.

2. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai vận chuyển độc lập theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mục 6 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

b) Bản kê danh mục hàng hoá quá cảnh, trung chuyển theo mẫu số....Phụ lục....ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản kê vận tải đơn hàng nhập khẩu hoặc Bản kê tờ khai xuất khẩu theo mẫu số 01/BKXNK/GSQLPhụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này đối với lô hàng có trên 05 vận đơn hoặc có trên 50 tờ khai xuất khẩu nhưng có số lượng nhỏ hơn 100container hoặc gói, kiện rời: 01 bản chụp;

d) Bản kê hàng hóa theo mẫu số 02/BKHH/GSQLPhụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp lô hàng có số lượng container hoặc gói, kiện rời lớn hơn 100 hoặc hàng hóa phải chuyển tải, thay đổi phương thức vận tải trong nội địa: 01 bản chụp;

đ) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật(trừ trường hợp hàng quá cảnh, nhập khẩu vận chuyển qua biên giới đường bộ, hàng xuất khẩu): 01 bản chụp;

Trường hợp toàn bộ hàng hóa đã được khai trên Bản lược khai hàng hóa điện tử (hệ thống e-Manifest), nếu người khai hải quan khai mã bộ hồ sơ do cơ quan hải quan thông báo trên hệ thống e-Manifest tại tiêu chí "Ghi chú 1" thì không phải nộp bản sao vận tải đơn trong bộ hồ sơ hải quan.

e) *Văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp hàng hoá trung chuyển quy định tại Điểm 7 Khoản 19 Nghị định số...../2017/NĐ-CP*

g) Giấy phép quá cảnh đối với trường hợp hàng quá cảnh phải có giấy phép: 01 bản chính;

h) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm tra chuyên ngành công nhận đối với trường hợp hàng quá cảnh, phải kiểm dịch: 01 bản chính.Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp;

i) Bản kê chi tiết hàng hóa quá cảnh quy định tại điểmakhoản 1 Điều 50 theo mẫu số....Phụ lục....ban hành kèm Thông tư này: *01 bản chụp;*

Đối với chứng từ quy định tại điểm *g*, điểm *h* khoản này,nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan kiểm tra chuyên ngành gửi giấy phép, văn bản thông báo kết quả kiểm dịch, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

3. Trách nhiệm của người khai hải quan

a) Khai thông tin tờ khai vận chuyển độc lập theo các chỉ tiêu thông tin tại mục 6 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này và gửi kèm các chứng từquy định tại điểm b, c, d, g khoản 2 Điều nàykhi đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.Riêng chứng từ tại điểm *g, điểm h* nếu không được gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa

quốc gia thì người khai hải quan phải nộp 01 bản chính trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp thông tin hàng hóa của lô hàng cần vận chuyển vượt quá thiết kế của tờ khai vận chuyển độc lập thì thực hiện *khai* theo hướng dẫn tại mẫu số ...Phụ lục...ban hành kèm Thông tư này;

b) Sau khi tờ khai vận chuyển đã được phê duyệt, in 01 Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển và xuất trình *cùng*hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi để xác nhận và niêm phong(nếu có);

c)Xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra thực tế trong trường hợp lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Khai bổ sung tờ khai vận chuyển trong trường hợp tự phát hiện có sai sót trước thời điểm cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến xác nhận đến đích cho lô hàng trên Hệ thốnghoặc theo thông báo của cơ quan hải quan;

đ) Xuất trình Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển đã được xác nhận và hàng hóa cho cơ quan Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến để làm các thủ tục tiếp theo;

e) Trường hợp lô hàng được vận chuyển nhiều chuyến thì người khai hải quan lựa chọn khai báo tờ khai vận chuyển độc lập một lần cho cả lô hàng hoặc khai báo tờ khai vận chuyển độc lập cho từng lần vận chuyển nhưng phải đảm bảo thời gian vận chuyểnquy định tại khoản 5 Điều 50 Thông tư này.Trường hợp thời gian vận chuyển vượt quá thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan mà lô hàng chưa được vận chuyển hết thì người khai hải quan thực hiện khai bổ sung thông tin số lượng hàng hóa đã thực vận chuyển *và* thực hiện khai báo trên tờ khai hải quan mới đối với số lượng hàng hóa còn lại chưa thực hiện vận chuyển *đi*.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi:

a) Trường hợp Hệ thống phân luồng 2, kiểm tra thông tin trên tờ khai vận chuyển độc lập và các chứng từ thuộc bộhồ sơ hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung các thông tin khác trên tờ khai vận chuyển độc lập (nếu có).

Trường hợp hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư này. Kết quả kiểm tra thực tế được ghi trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này;

b) Phê duyệt tờ khai vận chuyển độc lập trên Hệ thốngtrong vòng 02 giờ kể từ khi tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ do người khai hải quan khai, nộp;

c) Đối chiếu số lượng, số hiệu container, số lượng gói, kiện giữa thực tế hàng hóa do người khai hải quan xuất trình với thông tin khai báo trên tờ khai vận chuyển độc lập; thực hiện niêm phong hàng hóa đối với các trường hợp phải niêm phong theo khoản 2 Điều 50 Thông tư này và cập nhật số niêm phong hải quan trên Hệ thống; *ký tên, đóng dấu công chức hải quan và ghi rõ ngày, tháng,*

năm xác nhận trên Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển do người khai hải quan in và xuất trình.

Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong*(hàng rời, hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh)*, công chức hải quan phải lập Biên bản chứng nhận theo mẫu số….Phụ lục…ban hành kèm Thông tư này và ghi nhận thông tin chi tiếtvào Hệ thống gồm: tên hàng, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ (nếu có);

Thực hiện theo dõi, giám sát, xử lý bằng phương tiện kỹ thuật thông qua Hệ thống giám sát đối với trường hợp hàng hoá quá cảnh vận chuyển bằng đường thuỷ nội địa, xử lý các cảnh báo của Hệ thống, tổ chức kiểm tra, xác minh khi có cảnh báo và thông báo cho đơn vị hải quan gần địa điểm xảy ra cảnh báo để thực hiện xác minh cảnh báo và xử lý các công việc liên quan, và thông báo cho Chi cục Hải quan nơi hàng hoá được vận chuyển đến để phối hợp.

d) Cập nhật thông tin hàng hóa đủ điều kiện vận chuyển đi vào Hệ thống và theo dõi thông tin lô hàng vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.

Trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng chưa nhận được phản hồi của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến, Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi áp dụng các biện pháp phối hợp để tổ chức xác minh và xử lý.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến:

a) Tiếp nhận Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển, hàng hóa do người khai hải quan xuất trình; kiểm tra tình trạng niêm phong, đối chiếu với số hiệu niêm phong hải quan (nếu có) trên Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển hoặc đối chiếu hàng hóa thực tế với các thông tin về hàng hóa trên Biên bản chứng nhận (trong trường hợp không thể niêm phong);

Trường hợp vận chuyển hàng hoá quá cảnh bằng đường thuỷ nội địa, Chi cục Hải quan nơi hàng hoá được vận chuyển đến thực hiện theo dõi, giám sát, xử lý bằng phương tiện kỹ thuật thông qua Hệ thống giám sát; căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo trên hệ thống giám sát, Chi cục trưởng quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển.

Trường hợp kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có). Kết quả kiểm tra thực tế được ghi trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này;

b) *Ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, nămxác nhận trên Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển do người khai hải quan xuất trình, xác nhận trên Biên bản chứng nhận (nếu có);*

c) Cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến đích vào Hệ thống.

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh xuất qua cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt liên vận quốc tế, xác nhận hàng hóa vận chuyển đến đích khi hàng hóa đến khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất trên Hệ thống hoặc trường hợp Hệ thống gặp sự cố thì công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức, ghi ngày, tháng, năm trên trang đầu tiên của Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển và hồi báo (fax) Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển xác nhận hàng đã đến khu vực giám sát hải quan cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi. *Thực hiện xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát hải quan để xuất khẩu trên Hệ thống sau khi hàng hóa đã xuất khẩu qua biên giới.*

6. Khai bổ sung tờ khai vận chuyển độc lập:

a) Người khai hải quan được khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin của tờ khai vận chuyển độc lập, trừ các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung theo quy định tại mục.....Phụ lục ...ban hành kèm Thông tư nàytại cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi trước thời điểm cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến xác nhận đến đích cho lô hàng trên Hệ thống;

b) Thủ tục khai bổ sung tờ khai vận chuyển độc lập:

b.1) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan vận chuyển độc lập và nộp các chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung qua Hệ thống. Trường hợp khai bổ sung trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan nộp 01 bản chính văn bản đề nghị khai bổ sung theo mẫu số 03/KBS/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này và 01 bản chụp các chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung;

b.2) Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi:

b.2.1) Tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung

b.2.2) Kiểm tra hồ sơ khai bổ sung, thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ khai bổ sung đến người khai hải quan thông qua Hệ thống trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ thông tin hoặc hồ sơ (nếu có). Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định (nếu có);

b.2.3) Phê duyệt tờ khai vận chuyển độc lập sửa đổi, bổ sung;

b.2.4) Cập nhật thông tin hàng hóa đủ điều kiện vận chuyển đi vào Hệ thống (nghiệp vụ BOA);

b.2.5) Trường hợp khai bổ sung trên tờ khai hải quan giấy, ngoài việc thực hiện các công việc tại điểm b.2.1, b.2.2, b.2.3 khoản này, công chức hải quan phải ghi rõ ngày, giờ tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung; kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ khai bổ sung và thông báo kết quả kiểm tra trên văn bản khai bổ sung; trả cho người khai hải quan 01 bản văn bản đề nghị khai bổ sung có xác nhận của cơ quan hải quan.

b.3) Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến:

Thực hiện việc xác nhận hàng đến khu vực giám sát hải quan theo các thông tin trên tờ khai vận chuyển độc lập sửa đổi, bổ sung.

7. Hủy tờ khai vận chuyển độc lập:

a) Các trường hợp hủy tờ khai vận chuyển độc lập:

a.1) Quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập đầu tiên nhưng không thực hiện vận chuyển hàng hóa đi, bao gồm cả trường hợp tờ khai vận chuyển độc lập đã được đăng ký nhưng chưa được cơ quan hải quan phê duyệt vận chuyển do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có sự cố;

Khai sai các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung quy định tại Phụ lục...ban hành kèm Thông tư này và hàng hóa chưa đưa qua khu vực giám sát hải quan tại nơi vận chuyển đi.

b) Thủ tục hủy tờ khai vận chuyển độc lập:

a) Trách nhiệm người khai hải quan:

Khi có yêu cầu hủy tờ khai, người khai hải quan khai đề nghị huỷ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai.

b) Trách nhiệm cơ quan hải quan:

b.1) Trong 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được đề nghị hủy của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra lý do, điều kiện và thông tin tờ khai đề nghị hủy trên Hệ thống, đề xuất Chi cục trưởng phê duyệt, thực hiện việc hủy tờ khai và phản hồi kết quả cho người khai hải quan;

b.2) Sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập đầu tiên nhưng không thực hiện vận chuyển hàng hóa đi mà người khai hải quan không đề nghị hủy tờ khai thì cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra, xác minh, thực hiện việc hủy tờ khai và thông báo kết quả xử lý cho người khai hải quan trên Hệ thống.

8. Đối với trường hợp Hệ thống gặp sự cố theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, không thực hiện được việc khai vận chuyển hàng hóa qua Hệ thống:

a) Người khai hải quan nộp 01 bản chính*Bản kê hàng hóa vận chuyển*theo mẫu số...Phụ lục...ban hành kèm Thông tư này kèm các chứng từ quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 51 Thông tư này và xuất trình hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đivà cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến *để niêm phong (nếu có);*

b) Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi kiểm tra các thông tin khai báo trên *Bản kê hàng hóa vận chuyển*và hồ sơ hải quan gửi kèm trong trường hợp Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra hồ sơ hải quan lô hàng vận chuyển; xác nhận trên *Bản kê hàng hóa vận chuyển* do người khai hải quan nộp, trả lại cho người khai hải quan và bàn giao hàng hóa cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến để làm tiếp thủ tục theo quy định. Sau

khi nhận được *Bản kê hàng hóa vận chuyển* đã có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi và hàng hóa vận chuyển, Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến xác nhận, hồi báo cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi để biết và lưu kèm hồ sơ hải quan;

c) Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi và Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 4, 5 Điều 51 Thông tư này, trừ các trách nhiệm liên quan đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

9. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá quá cảnh đóng chung con-ten-nơ, toa xe chở hàng với hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, hàng hoá dự kiến nhập khẩu

a) Hàng hoá quá cảnh đóng chung con-ten-nơ, toa xe chở hàng với hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, hàng hoá dự kiến nhập khẩu phải đáp ứng quy định tại điểm 10 Khoản 18 Điều 1 Nghị định số..../2017/NĐ-CP, và chỉ được đóng chung tại các địa điểm quy định tại điểm 9 Khoản 18 Điều 1 Nghị định số..../2017/NĐ-CP.

b) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Ngoài trách nhiệm quy định tại điểm 3 Khoản 18 Điều 1 Nghị định số..../2017/NĐ-CP, người khai hải quan có trách nhiệm:

Thực hiện khai báo trên từng tờ khai vận chuyển độc lập hoặc từng Bản kê hàng hóa vận chuyển theo từng loại hình tương ứng theo hướng dẫn tại Thông tư này và ghi số tờ khai vận chuyển độc lập hoặc số Bản kê hàng hóa vận chuyển của hàng hóa đã đóngchung tại tiêu chí "Ghi chú 2" theo từng tờ khai hoặc Bản kê hàng hóa vận chuyển riêng biệt đối với hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa quá cảnh.

c) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi:

Ngoài trách nhiệm quy định tại điểm 4, điểm 5 Khoản 18 Điều 1 Nghị đinh số..../2017/NĐ-CP, Chi cục Hải quan nơi hàng hoá được vận chuyển đi có trách nhiệm:

c.1) Giám sát hàng hoá đóng chung con-ten-nơ, chung toa xe.

c.2) Cập nhật số hiệu niêm phong hải quan vào Hệ thống.

d) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến:

d.1) Thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này;

d.2) Kiểm tra tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu đóng chung container được ghi tại tiêu chí "Ghi chú 2" trên tờ khai vận chuyển độc lập để xác nhận 02 tờ khai trên Hệ thống theo quy định.

10. Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc khai hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan đối với trường hợp quy định tại điểm b.7 khoản 1 Điều 50 Thông tư này."

1. Bổ sung Điều 51a, Điều 51b và Điều 51c như sau:

"Điều 51a. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp

1. Thủ tục hải quan vận chuyển kết hợp được áp dụng đối với hàng hóa quy định tại điểm b.1, b.2, b.5, b.6 khoản 1 Điều 50 Thông tư này;

2. Địa điểm, hồ sơ và thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp thực hiện đồng thời với việc làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo loại hình tương ứng; các thông tin vận chuyển kết hợp được kê khai theo các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp Hệ thống không hỗ trợ khai báo thông tin vận chuyển kết hợp, người khai hải quan đề nghị hàng hóa được vận chuyển chịu sự giám sát hải quan tại tiêu chí "Phần ghi chú" trên tờ khai hàng hóa (ghi rõ thời gian, tuyến đường, địa điểm nơi hàng hóa được vận chuyển đi và địa điểm nơi hàng hóa được vận chuyển đến); Người khai hải quan có trách nhiệm xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan thực hiện việc niêm phong đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 Thông tư này để bàn giao cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến để làm tiếp thủ tục.

3. Đối với hàng hóa xuất khẩu

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu đã kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, thuộc diện niêm phong hải quan

a.1) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi:

a.1.1) Niêm phong hàng hóa; cập nhật thông tin Biên bản bàn giao hàng hóa vận chuyển đi chịu sự giám sát trên Hệ thống.

Trường hợp nếu là hàng rời, hàng cồng kềnh, hàng siêu trường, siêu trọng không thể niêm phong được, công chức hải quan ghi rõ tên hàng, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ (nếu có)hoặc chụp ảnh nguyên trạng hàng hóa, cập nhật trên Hệ thống hoặc gửi kèm biên bản bàn giao;

a.1.2) *In 01 bản Biên bản bàn giao từ Hệ thống, ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, nămxác nhận trên Biên bản bàn giao* và ~~bàn~~ giao *Biên bản bàn giaocùng* hàng hóa cho người khai hải quan để vận chuyển ra cửa khẩu xuất;

a.1.3) Theo dõi về thông tin lô hàng vận chuyển chịu sự giám sát hải quan;

a.1.4) Quá thời hạn vận chuyển hàng hóa mà hàng hóa chưa đến cửa khẩu xuất, có trách nhiệm tổ chức xác minh về tình trạng hàng hóa.

a.2) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hoá vận chuyển đến:

a.2.1) Tiếp nhận *Biên bản bàn giao và* hàng hóa do người khai hải quan xuất trình;

a.2.2) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan và đối chiếu với thông tin hàng hóa vận chuyển đi trên Hệ thống và *ký tên,đóng dấu công chức hải quan,*

ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên Biên bản bàn giao để trả lại cho người khai hải quan;

a.2.3) Cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên Hệ thống;

a.2.4) Phối hợp với Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi thực hiện xác minh tình trạng lô hàng trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển mà chưa đến địa điểm đến.

b) Đối với hàng hóa xuất khẩu không thuộc diện phải niêm phong hải quan:

Người khai hải quan chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến cửa khẩu xuất.

4. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu được đưa về kiểm tra tại địa điểm kiểm tra ngoài cửa khẩu, hàng hóa thuộc diện phải niêm phong hải quan:

a.1) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai :

a.1.1) Cập nhật thông tin trên hệ thống để đề nghị Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa niêm phong, bàn giao cho người khai hải quan vận chuyển về địa điểm kiểm tra;

a.1.2) Tiếp nhận hàng hóa do người khai hải quan vận chuyển đến, kiểm tra tình trạng niêm phong hàng hóa và đối chiếu với thông tin hàng hóa vận chuyển đi trên Hệ thống *và ký tên,đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, nămxác nhận trên Biên bản bàn giao để trả lại cho người khai hải quan*;

a.1.3) Cập nhật thông tin hàng đến trên Hệ thống;

a.1.4) Theo dõi thông tin hàng hóa vận chuyển, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa để xác minh tình trạng lô hàng trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm kiểm tra.

a.2) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa

a.2.1) Căn cứ đề nghị của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, thực hiện niêm phong, cập nhật thông tin*Biên bản bàn giao*hàng hóa vận chuyển đi vào hệ thống;

a.2.2) In 01 Biên bản bàn giao, xác nhận, ký tên, đóng dấu, ghi rõ ngày, tháng, năm và giao Biên bản bàn giao cùng hàng hóa cho người khai hải quan vận chuyển về địa điểm kiểm tra;

a.2.3) Theo dõi thông tin hàng hóa vận chuyển đi, chủ trì xác minh trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm kiểm tra.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện phải niêm phong hải quan:

Người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan và đưa hàng qua khu vực

giám sát tại cửa khẩu sau khi hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định.

5. Đối với hàng hóa quy định tại Điều 51a, trường hợp Hệ thốnggặp sự cố (trường hợp Hệ thống VNACCS, Hệ thống giám sát đều gặp sự cố và trường hợp Hệ thống giám sát gặp sự cố nhưng Hệ thống VNACCS vẫn hoạt động và có thể tra cứu thông tin tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được) theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, không thể thực hiện được việc khai vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan qua Hệ thống:

a) Người khai hải quan cung cấp thông tin tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và xuất trình hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi*và cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến;*

b) Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi kiểm tra các thông tin *trên tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để lập* 03 Biên bản bàn giao hàng hóa theo *mẫu số...Phụ lục...ban hành kèm Thông tư này* và xác nhận trên Biên bản bàn giao hàng hóa. Giao 02 Biên bản bàn giao cho người khai hải quan để vận chuyển cùng hàng hóa cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến để làm tiếp thủ tục theo quy định.

c) Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến xác nhận trên 02 Biên bản bàn giao hàng hóa, trả lại người khai hải quan 01 Biên bản, lưu 01 Biên bản và hồi báo (fax) cho Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi để biết sau khi nhận được Biên bản bàn giao hàng hóa đã có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi và hàng hóa,.

Điều 51b. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa trung chuyển quy định tại điểm *b.8.2* khoản 1 Điều 50 và hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Thông tư này

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại Điều này được thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi.

Trường hợp hàng hóa trung chuyển tại điểm *b.8.2* khoản 1 Điều 50 Thông tư này nếu được giữ nguyên trên phương tiện vận chuyển không dỡ xuống khu vực cảng, kho, bãi thì sử dụng thông tin khai báo trên Hệ thống E-manifest để thực hiện việc giám sát hàng hóa vận chuyển.

2. Hồ sơ hải quan:

a) Bản kê hàng hóa vận chuyển theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số...Phụ lục ... ban hành kèm Thông tư này;

b) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của phápluật(trừ trường hợp hàng nhập khẩu vận chuyển qua biên giới đường bộ và hàng xuất khẩu): 01 bản chụp;

c)Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về kiểm dịch

hoặc chứng từ kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm tra chuyên ngành công nhận đối với trường hợp hàng trung chuyển phải kiểm dịch: 01 bản chính.Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp;

Đối với chứng từ quy định tại điểm ckhoản này, nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan kiểm tra chuyên ngành gửi văn bản thông báo kết quả kiểm dịch, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

3. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Khai thông tin trên Bản kê hàng hóa vận chuyển (gọi tắt là Bản kê) và gửi kèm các chứng từ quy định tại điểm b~~, c,d~~ khoản 2 Điều này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.Riêng chứng từ tại điểm c nếu không được gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan phải nộp 01 bản chính trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan.

b) Sau khi Bản kê đã được cơ quan hải quan phê duyệt, in 01 Bản kê và xuất trình *cùng* hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi;

c)Xuất trình hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi để niêm phong (nếu có) *hoặc để kiểm tra thực tế trong trường hợp lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật*;

d) Khai bổ sung các thông tin trên Bản kê (nếu có);

đ) Xuất trình Bản kê và hàng hóa cho cơ quan hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến để thực hiện các thủ tục tiếp theo;

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi:

a) Kiểm tra thông tin trên Bản kê và các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung các thông tin khác trên Bản kê (nếu có);

Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư này. Kết quả kiểm tra thực tế được ghi trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V Thông tư này;

b) Phê duyệt Bản kê trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ do người khai hải quan nộp, xuất trình;

c) Đối chiếu với thông tin hàng hóa, số lượng khai báo trên Bản kê và thực hiện niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển đi (nếu có) *và xác nhận (ký tên, đóng dấu công chức hải quan) trên Bản kê, trả lại cho người khai hải quan để vận chuyển hàng hóa đến đích.*

Trường hợp không thể niêm phong được, công chức hải quan lập biên bản chứng nhận theo mẫu số....Phụ lục....kèm Thông tư này và ghi nhận thông tin chi tiết vào bản kê gồm: tên hàng, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ (nếu có);

d) Cập nhật số niêm phong hải quan vào Hệ thống;

e) Theo dõi về thông tin về lô hàng vận chuyển.

Trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng chưa nhận được phản hồi của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến, Chi cục Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đi áp dụng các biện pháp phối hợp để tổ chức xác minh và xử lý.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi hàng vận chuyển đến:

a) Tiếp nhận Bản kê và hàng hóa vận chuyển đến do người khai nộp, xuất trình;

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong*(nếu có)*, đối chiếu với số hiệu niêm phong hải quan trên Bản kê hàng hóa hoặc đối chiếu hàng hóa thực tế với các thông tin về hàng hóa trên Biên bản chứng nhận (trong trường hợp không phải niêm phong);

Trường hợp kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có). Kết quả kiểm tra thực tế được ghi trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V Thông tư này;

c) Ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên Bản kê và trả cho người khai hải quan để lưu giữ cùng hồ sơ;

d) Thực hiện xác nhận hàng hóa đến đích trên Hệ thống;

6. Thủ tục khai bổ sung, hủy Bản kê hàng hóa vận chuyển thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 51 Thông tư này.

Điều 51c.Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 51, điểm b.8.3 khoản 1 Điều 50 Thông tư này.

1. Hồ sơ hải quan:

a) Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển theo chỉ tiêu thông tin quy định theo mẫu số...Phụ lục... ban hành kèm Thông tư này;

b) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương: 01 bản chụp;

c) Giấy phép quá cảnh đối với trường hợp hàng hóa phải có giấy phép theo quy định hiện hành: 01 bản chính;

d) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành nước

ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm tra chuyên ngành công nhận đối với trường hợp hàng quá cảnh, trung chuyển phải kiểm dịch: 01 bản chính.Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp;

Đối với chứng từ quy định tại điểm c, d khoản này, nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan kiểm tra chuyên ngành gửi giấy phép, văn bản thông báo kết quả kiểm dịch, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện khai báo trên Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyểnvà nộp kèm chứng từ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thông qua Hệ thống; Riêng đối với chứng từ quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều này nếu không được gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan phải nộp 01 bản chính trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan.

b) Xuất trình hàng hóa cho cơ quan hải quan để kiểm tra thực tế trong trường hợp lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Khai bổ sung các thông tin trên *Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển* (nếu có).

3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Kiểm tra thông tin trên *Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển*và chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan và hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung các thông tin khác trên *Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển* (nếu có);

b) Trường hợp kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có). Kết quả kiểm tra thực tế được ghi trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V Thông tư này;

c.3) Phê duyệt Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ do người khai hải quan nộp, xuất trình;

c.4) Khi hàng hóa quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển vào, ra khu vực cảng, cơ quan hải quan thực hiện việc xác nhận về số lượng hàng hóa thực tế vận chuyển vào, ra trên Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyển trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu thông tin container khai báo trên Bản kê với thông tin container vào, ra khu vực cảng về số hiệu container, số niêm phong hãng tàu (nếu có)

Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu phù hợp, không có thông tin lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì ký tên, đóng dấu công chức xác nhận trên Bản kê hàng hóa quá cảnh, trung chuyểnvà trả người khai 01 bản và lưu giữ

01 bản. Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu không phù hợp thì xác minh, làm rõ và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định."